

Số: 85/QĐ-LTT

Tiên Phước, ngày 17 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định Quy tắc ứng xử trong trường học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TÝ TỰ TRỌNG

Căn cứ Quy định về đạo đức nhà giáo, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ giáo dục và Đào tạo, Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 25/QDD-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tiên Phước về việc tiếp nhận nguyên trạng đơn vị trường học thuộc UBND huyện về UBND xã Tiên Phước quản lý;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Tiên Phước về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng thuộc Ủy ban nhân dân xã Tiên Phước;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quy tắc ứng xử trong trường học.

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh áp dụng Bộ Quy tắc này trong giao tiếp, hoạt động và làm việc của đơn vị.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các Bộ phận, các Tổ, các thành viên (Thực hiện);
- Lưu: VT.



Phạm Thị Túy Lanh

QUY ĐỊNH QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG TRƯỜNG HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-LTT ngày 17 tháng 9 năm 2025
của Trường THCS Lý Tự Trọng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quy tắc ứng xử trong trường THCS Lý Tự Trọng.
2. Thông tư này áp dụng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người học, cha mẹ người học trong trường học.

Điều 2. Mục đích xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học

1. Điều chỉnh cách ứng xử của các thành viên trong trường học theo chuẩn mực đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc, phù hợp với đặc trưng văn hóa của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường; ngăn ngừa, xử lý kịp thời, hiệu quả các hành vi tiêu cực, thiếu tính giáo dục trong nhà trường.

2. Xây dựng văn hóa học đường; đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật; phù hợp với chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc.

2. Thể hiện được các giá trị cốt lõi: Nhân ái, tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, trung thực trong mối quan hệ của mỗi thành viên trong nhà trường đối với người khác, đối với môi trường xung quanh và đối với chính mình.

3. Bảo đảm định hướng giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, phát triển phẩm chất, năng lực của người học; nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trách nhiệm người đứng đầu nhà trường.

4. Dễ hiểu, dễ thực hiện; phù hợp với lứa tuổi, cấp học và đặc trưng văn hóa mỗi vùng miền.

5. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội dung Bộ Quy tắc ứng xử phải được thảo luận dân chủ, khách quan, công khai và được sự đồng thuận của đa số các thành viên trong nhà trường.

Chương II

NỘI DUNG QUY TẮC ỨNG XỬ

Điều 4. Quy tắc ứng xử chung

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, của viên chức, nhà giáo, người lao động, người học.

2. Thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực, quan tâm chia sẻ và giúp đỡ người khác.

3. Bảo vệ, giữ gìn cảnh quan trường học; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, xanh, sạch, đẹp.

4. Cán bộ quản lý, giáo viên phải sử dụng trang phục lịch sự, phù hợp với môi trường và hoạt động giáo dục; nhân viên phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục và tính chất công việc; người học phải sử dụng trang phục sạch sẽ, gọn gàng phù hợp với lứa tuổi và hoạt động giáo dục; cha mẹ người học và khách đến trường phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục.

5. Không sử dụng trang phục gây phản cảm.

6. Không hút thuốc, sử dụng đồ uống có cồn, chất cấm trong cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật; không tham gia tệ nạn xã hội.

7. Không sử dụng mạng xã hội để phát tán, tuyên truyền, bình luận những thông tin hoặc hình ảnh trái thuần phong mỹ tục, trái đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc làm ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

8. Không gian lận, dối trá, vu khống, gây hiềm khích, quấy rối, ép buộc, đe dọa, bạo lực với người khác.

9. Không làm tổn hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, người khác và uy tín của tập thể.

Điều 5. Ứng xử với bản thân

1. Nắm vững pháp luật, thông thạo nghiệp vụ, bản lĩnh vững vàng, động cơ trong sáng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, kỷ luật, kỷ cương của Ngành. Không đi muộn, về sớm. Không làm việc riêng, không tự ý bỏ vị trí công tác trong giờ làm việc, thực hiện nghiêm túc *giờ nào việc nấy*;

3. Sắp xếp, bài trí bàn, phòng làm việc một cách khoa học, gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.

4. Trang phục gọn gàng, chỉnh tề phù hợp với môi trường sư phạm

- Nam: không để râu tóc dài, nhuộm tóc màu lòe loẹt, không đeo khuyên tai, không cạo trọc đầu.

- Nữ: không trang điểm lòe loẹt, không nhuộm tóc sặc sỡ.

5. Khi ngồi làm việc, hội họp, hội nghị luôn giữ mình ở tư thế ngay ngắn, không ngồi nghiêng ngửa, dẹt chân, vắt chân chữ ngũ, rung đùi;

6. Đi, đứng với tư thế chững chạc, không khệnh khạng, gây tiếng động lớn; Giáo viên khi trống tiết cần làm việc tại phòng nghỉ giáo viên, không đi lại

hoặc nói chuyện tại các phòng làm việc của người khác (trừ trường hợp cần giao dịch);

7. Ăn nói khiêm nhường, từ tốn, không nói to, gây ồn ào; Khen chê đúng mực, công tâm;

8. Hết giờ làm việc, trước khi ra về phải kiểm tra, tắt điện, khoá chốt các cửa bảo đảm an toàn cơ quan, đơn vị.

Điều 6. Ứng xử của cán bộ quản lý nhà trường

1. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ chuẩn mực (Giáo viên xưng hô với học sinh là “Thầy xưng Em hoặc Con” hoặc “Cô xưng Em hoặc Con”), dễ hiểu; yêu thương, trách nhiệm, bao dung; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe và động viên, khích lệ người học. Không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.

2. Ứng xử với giáo viên, nhân viên: Ngôn ngữ chuẩn mực (Xưng hô trong cơ quan: “Thầy (cô) xưng Tôi” hoặc “Ông (bà) xưng Tôi” hoặc “Đồng chí xưng Tôi”; hoặc tùy theo độ tuổi, quan hệ xã hội khác nhưng phù hợp), tôn trọng, khích lệ, động viên; nghiêm túc, gương mẫu, đồng hành trong công việc; bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm và phát huy năng lực của giáo viên và nhân viên; đoàn kết, dân chủ, công bằng, minh bạch. Không hách dịch, gây khó khăn, xúc phạm, định kiến, thiên vị, vụ lợi, né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm, đổ lỗi.

3. Ứng xử với cha mẹ người học: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác, chia sẻ, thân thiện. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà, vụ lợi.

4. Ứng xử với khách đến cơ sở giáo dục: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, lịch sự, đúng mực. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 7. Ứng xử của giáo viên

1. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ chuẩn mực (Giáo viên xưng hô với học sinh là “Thầy xưng Em hoặc Con” hoặc “Cô xưng Em hoặc Con”), dễ hiểu, khen hoặc phê bình phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh; mẫu mực, bao dung, trách nhiệm, yêu thương; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, tư vấn, lắng nghe và động viên, khích lệ người học; tích cực phòng, chống bạo lực học đường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện. Không xúc phạm, gây tổn thương, vụ lợi; không trù dập, định kiến, bạo hành, xâm hại; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi vi phạm của người học.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý: Ngôn ngữ tôn trọng, trung thực, cầu thị, tham mưu tích cực và thể hiện rõ chính kiến; phục tùng sự chỉ đạo, điều hành và phân công của lãnh đạo theo quy định. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của cán bộ quản lý.

3. Ứng xử với đồng nghiệp và nhân viên: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, thân thiện, cầu thị, chia sẻ, hỗ trợ; tôn trọng sự khác biệt; bảo vệ uy tín,

danh dự và nhân phẩm của đồng nghiệp, nhân viên. Không xúc phạm, vô cảm, gây mất đoàn kết.

4. Ứng xử với cha mẹ người học: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, thân thiện, hợp tác, chia sẻ. Không xúc phạm, áp đặt, vụ lợi.

5. Ứng xử với khách đến cơ sở giáo dục: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 8. Ứng xử của nhân viên

1. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ chuẩn mực (Nhân viên xưng hô với học sinh là “Chú (cô; Bác) xưng cháu” tùy theo độ tuổi hoặc quan hệ xã hội khác), tôn trọng, trách nhiệm, khoan dung, giúp đỡ. Không gây khó khăn, phiền hà, xúc phạm, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, hợp tác; chấp hành các nhiệm vụ được giao. Không né tránh trách nhiệm, xúc phạm, gây mất đoàn kết, vụ lợi.

3. Ứng xử với đồng nghiệp: Ngôn ngữ đúng mực, hợp tác, thân thiện. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết, né tránh trách nhiệm.

4. Ứng xử với cha mẹ người học và khách đến cơ sở giáo dục: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 9. Ứng xử trong hội họp, sinh hoạt tập thể; trong giao tiếp qua điện thoại

1. Ứng xử trong hội họp

1.1. Trước buổi họp:

Phải nắm được nội dung, chủ đề cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chủ động chuẩn bị tài liệu và ý kiến phát biểu. Có mặt trước giờ quy định ít nhất 05 phút để ổn định chỗ ngồi; tuân thủ quy định của người điều hành cuộc họp, hội nghị, hội thảo.

1.2. Trong khi họp

a) Tắt điện thoại di động hoặc để ở chế độ rung, không làm ảnh hưởng đến người khác; Không mang theo các phương tiện nghe, nhìn, máy vi tính (Trừ trường hợp cho phép của chủ tọa);

b) Giữ trật tự, tập trung theo dõi, nghe, ghi chép các nội dung cần thiết; không nói chuyện và làm việc riêng hoặc tự do trao đổi- thảo luận; không bỏ về trước khi kết thúc cuộc họp, không ra vào, đi lại tùy tiện trong phòng họp. Phát biểu ý kiến ngắn gọn, rõ ràng, đúng trọng tâm, đúng nội dung và theo điều hành của Chủ tọa hoặc Ban tổ chức;

c) Chấp hành tốt các yêu cầu của chủ tọa, phát biểu đúng yêu cầu của chủ tọa;

1.3. Kết thúc cuộc họp: Đề khách mời, lãnh đạo cấp trên ra trước, không xô đẩy, chen lấn, dọn dẹp lại chỗ ngồi (ghế, ngăn bàn, bàn)...

2. Ứng xử trong sinh hoạt tập thể

1.1. gương mẫu, thực hiện tốt yêu cầu của người tổ chức, đặc biệt trong các hoạt động có học sinh và nhân dân;

1.2. Hòa đồng, vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình trong hoạt động để làm gương cho học sinh noi theo.

3. Ứng xử trong giao tiếp qua điện thoại, Internet

3.1. Khi gọi điện thoại: Phải chuẩn bị trước nội dung cần trao đổi (ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể);

a) Khi đầu dây bên kia có người nhắc máy thì có lời chào hỏi, xưng tên, chức danh, bộ phận làm việc của mình và đề nghị được gặp người cần gặp;

b) Trao đổi nội dung đầy đủ, rõ ràng, cụ thể. Âm lượng vừa đủ nghe, nói năng từ tốn, rõ ràng, xưng hô phải phù hợp với đối tượng nghe, không nói quá to, thiếu tế nhị gây khó chịu cho người nghe;

c) Có lời cảm ơn, lời chào trước khi kết thúc cuộc gọi.

3.2. Khi nghe điện thoại: Sau khi nói "A lô, tôi xin nghe", cần có lời chào hỏi, xưng tên, chức danh, bộ phận làm việc của mình.

a) Nếu người gọi cần gặp đích danh mình thì trao đổi, trả lời rõ ràng, cụ thể từng nội dung theo yêu cầu của người gọi. Âm lượng, nói năng, xưng hô như khi gọi đi; chỉ trả lời những vấn đề thuộc thẩm quyền được phân công; không tiếp cá nhân gọi đến quảng cáo sản phẩm, không cung cấp số điện thoại của Hiệu trưởng cho các cá nhân không liên quan đến công việc của cơ quan;

b) Nếu người gọi cần gặp người khác hoặc nội dung không thuộc trách nhiệm của mình thì chuyển điện thoại hoặc hướng dẫn người gọi liên hệ đến đúng người, địa chỉ cần gặp;

c) Có lời cảm ơn, lời chào trước khi kết thúc cuộc điện thoại.

d) CBGVNV khi nhận điện thoại, người ở đầu dây bên kia xin gặp lãnh đạo nhà trường thì CBGVNV phải biết rõ họ, tên, nơi công tác và gặp lãnh đạo với lý do gì; không tùy tiện cho số điện thoại của lãnh đạo trường.

3.3. Sử dụng Internet: Thực hiện nghiêm túc quy định về sử dụng Internet của nhà trường.

Khi tiếp nhận tin nhắn từ Zalo,... thì phải thông tin trở lại thả tim hoặc trả lời lại tin nhắn phù hợp với đối tượng giao tiếp.

Điều 10. Ứng xử của người học trong nhà trường

1. Xưng hô trong nhà trường: Xưng hô giữa học sinh lớp trên với lớp dưới là Anh (chị) xưng Em hoặc tên; giữa bạn bè cùng lớp (cùng khối) là Bạn xưng Tôi (hoặc tên). Xưng hô với thầy cô "Thầy (cô) xưng là Em" hoặc xưng tên

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Kính trọng, lễ phép, trung thực, chia sẻ, chấp hành các yêu cầu theo quy định. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm, bạo lực.

3. Ứng xử với người học khác: Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện, trung thực, hợp tác, giúp đỡ và tôn trọng sự khác biệt. Không nói tục, chửi bậy, miệt thị, xúc phạm, gây mất đoàn kết; không bịa đặt, lôi kéo; không phát tán thông tin để nói xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm người học khác.

4. Ứng xử với cha mẹ và người thân: Kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương.

5. Ứng xử với khách đến trường học: Tôn trọng, lễ phép

6. Giao tiếp trên các trang mạng xã hội:

Nói năng, giao tiếp trên mạng xã hội: Không đưa hình ảnh phản cảm, comment thô tục, không đưa thông tin của nhà trường lên mạng xã hội khi không được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

7. Hành vi đạo đức đối với bản thân:

a) Tích cực rèn luyện đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực và khiêm tốn;

b) Chấp hành tốt pháp luật; quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông. Tích cực tham gia đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phòng chống tiêu cực trong học tập, kiểm tra, thi cử;

c) Phải có ý thức phấn đấu không ngừng vươn lên trong học tập. Biết tự học, tự nghiên cứu; tham gia các hoạt động của trường, lớp chủ động, tích cực;

d) Không được nói dối và bao che những khuyết điểm của người khác;

e) Thực hiện nghiêm túc giờ nào việc đó;

8. Các hành vi học sinh không được làm:

a) Xúc phạm nhân phẩm danh dự, xâm phạm thân thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác.

b) Gian lận trong học tập kiểm tra, thi cử.

c) Đánh nhau gây rối trật tự an ninh trong nhà trường và nơi công cộng.

d) Làm việc riêng, sử dụng điện thoại di động trong giờ học và sinh hoạt (nếu không được thầy cô cho phép).

e) Hút thuốc, uống rượu bia, đánh bài; Chơi Games quá nhiều. Tàng trữ, sử dụng ma túy, hung khí, chất nổ, chất độc...Lưu hành, sử dụng văn hoá phẩm độc hại, đồi trụy, tham gia tệ nạn xã hội.

f) Học sinh tự đi xe máy, ngồi sau xe máy không đội mũ bảo hiểm, ngồi sau xe máy mà người chở không đội mũ bảo hiểm. Học sinh đi xe đạp trong sân trường, ăn quà vặt. Tự tập trước cổng trường;

g) Phá hoại tài sản của nhà trường, của cá nhân; lãng phí điện, nước, xả rác ra khu vực chung; viết vẽ không đúng nơi, đúng chỗ...

9. Trang phục học sinh

a) Phải sạch sẽ, gọn gàng, giản dị thích hợp với lứa tuổi, thuận tiện cho việc học tập sinh hoạt ở nhà trường, đi học phải mặc đồng phục đúng quy định, bỏ áo vào quần, đeo khăn quàng đỏ (Đối với đội viên), đi giày hoặc dép có quai hậu hoặc giày;

b. Đầu tóc phải gọn gàng, không để quá dài, không cắt tóc quá ngắn, không nhuộm tóc, không đeo khuyên tai (đối với nam). Không mang trang sức có giá trị đến trường (đối với nữ).

Điều 11. Ứng xử của cha mẹ người học

1. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, chia sẻ, khích lệ, thân thiện, yêu thương. Không xúc phạm, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần,

Điều 12. Ứng xử của khách đến trường học

1. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, thân thiện. Không xúc phạm, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Đúng mực, tôn trọng. Không bịa đặt thông tin. Không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm.

Điều 13. Ứng xử của CBVC&NLĐ nơi công cộng

1. Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và quy định sinh hoạt nơi công cộng.

2. Thể hiện văn minh, lịch sự trong giao tiếp, ứng xử.

3. Kịp thời thông báo ngay cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết các thông tin về hành vi vi phạm pháp luật.

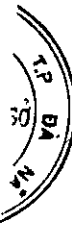
4. Không được vi phạm các chuẩn mực về thuần phong mỹ tục tại nơi công cộng để bảo đảm sự văn minh, tiến bộ của xã hội.

5. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi tham gia các hoạt động xã hội để tiếp tay hoặc bao che cho các hành vi vi phạm pháp luật dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 14. Ứng xử của CBVC&NLĐ nơi cư trú

1. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương cư trú.

2. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tham gia sinh hoạt nơi cư trú, chịu sự giám sát của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân nơi cư trú.



3. Không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi cư trú; không tham gia xúi giục, kích động, bao che các hành vi trái pháp luật.

4. Không được vi phạm các quy định về đạo đức công dân đã được pháp luật qu

Điều 15. Ứng xử của CBVC&NLĐ trong gia đình

1. Tích cực tuyên truyền, giáo dục, vận động người thân trong gia đình gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Gương mẫu, tránh phô trương, lãng phí khi tổ chức cưới hỏi, ma chay, mừng thọ, tân gia và các việc khác nhằm mục đích trục lợi.

3. Phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; không mê tín dị đoan và có những hành vi phản cảm khi tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng.

y định hoặc đã được cộng đồng dân cư thống nhất thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của nhà trường

1. Công khai Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học trên trang thông tin điện tử, zalo, ..; thường xuyên tuyên truyền, quán triệt nội dung Bộ Quy tắc ứng xử trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phối hợp với công đoàn trong việc tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, đánh giá xếp loại, viên chức, thi đua khen thưởng.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 9 năm 2025. Quy tắc này được xem xét, sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động hàng năm nếu không còn phù hợp hoặc có văn bản thay đổi của cấp trên.

2. Hiệu trưởng, nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và người học trong nhà trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy định này./.